# GIỚI THIỆU

Khung phân loại dữ liệu 3 cấp độ (3-Tier Data Classification) và nhóm theo 4 giai đoạn thực tế. Mỗi mục đều có hướng dẫn xử lý cụ thể trước khi tải vào Public AI(ChatGPT, Claude, Gemini, Canvas,….) .

**Cấp 1 – Cấm hoàn toàn:** Tuyệt đối **KHÔNG tải lên, KHÔNG dán vào Public AI**. Dữ liệu chứa bí mật kinh doanh, tài chính, định danh bảo mật.

**Cấp 2 – Được phép khi đã làm sạch:** CHỈ tải lên AI sau khi đã xóa/mã hóa toàn bộ thông tin định danh (tên công ty, MST, tên đối tác, số hợp đồng, đơn giá, mã vận đơn, tên tàu, địa chỉ cụ thể).

**Cấp 3 – Hoàn toàn tự do:** Dữ liệu công khai, tài liệu truyền thông, quy định pháp lý chung, thông số kỹ thuật tiêu chuẩn.

# BẢNG PHÂN LOẠI DỮ LIỆU XNK 3 CẤP ĐỘ

## CẤP 1 – CẤM HOÀN TOÀN (STRICTLY CONFIDENTIAL)

**Quy tắc:** Tuyệt đối KHÔNG tải lên, KHÔNG dán vào bất kỳ công cụ **Public AI** (ChatGPT, Claude, Gemini...).

- **Tài chính & Giá vốn:** Bảng Tính Giá Thành Sản Phẩm (COGS Breakdown), Báo cáo Tài chính & Kiểm toán, Sổ chi tiết Kế toán, Sổ phụ Ngân hàng, Bảng lương & Hồ sơ Nhân sự.
- **Tài sản Trí tuệ & Công thức:** Công thức & Quy trình Chế biến Sâu độc quyền (Master Formula/Recipe), Sơ đồ quy trình sản xuất nội bộ.
- **Thỏa thuận & Pháp lý Bảo mật:** Thỏa thuận Bảo mật Thông tin (NDA), Biên bản Ghi nhớ (MOU/MOA), Thư Tín Dụng (L/C), Thư Bảo Lãnh Ngân Hàng (BG).
- **Dữ liệu Khách hàng & Chuỗi Cung ứng:** Cơ sở Dữ liệu Khách hàng & NCC (CRM Master Data), Danh sách nông hộ liên kết, Hồ sơ đánh giá NCC.
- **Chứng từ Thanh toán Ngoại thương:** Điện chuyển tiền (SWIFT MT103/TT), Hối phiếu (Bill of Exchange), Biên bản Đối chiếu Công nợ.

## CẤP 2 – ĐƯỢC PHÉP KHI ĐÃ LÀM SẠCH (ANONYMIZED ONLY)

**Quy tắc:** CHỈ ĐƯỢC DÁN VÀO AI sau khi đã xóa hoặc mã hóa **Các Dữ Liệu Nội Bộ** bên dưới.

**Danh mục tài liệu thuộc Cấp 2:**

- **Hồ sơ Thương mại & Vận tải:** Hợp đồng Mua bán (Sales Contract), Phụ lục hợp đồng, Hóa đơn Thương mại (CI), Phiếu Đóng gói (Packing List), Vận đơn (Bill of Lading - B/L), Lệnh giao hàng (D/O), Booking Confirmation/SI.

- **Hồ sơ Hải quan & Kiểm định:** Tờ khai Hải quan (ECD/ICD), C/O, Giấy kiểm dịch Thực vật/Động vật (Phyto/Veterinary), Chứng thư Giám định, Phiếu Kiểm nghiệm (COA/Pesticide Test Report), Hồ sơ hoàn thuế VAT.
- **Hồ sơ Mã số Vùng trồng & Đóng gói:** Mã vùng trồng (PUC Code), Mã cơ sở đóng gói (PHC Code).

### Bộ Quy tắc Làm sạch Các Dữ Liệu Nội Bộ (Anonymization Protocol):

Trước khi dán văn bản/chứng từ Cấp 2 vào AI, nhân sự phải thay thế các thông tin thực tế bằng ký tự đại diện:

1. Tên Công ty/Đối tác → Thay bằng [EXPORTER_NAME] / [IMPORTER_NAME]
2. Mã số Thuế / BRC / ERC → Thay bằng [TAX_ID]
3. Địa chỉ cụ thể / Tọa độ GPS → Thay bằng [ADDRESS]
4. Đơn giá & Tổng giá trị → Thay bằng [UNIT_PRICE] / [TOTAL_AMOUNT]
5. Số Hợp đồng / Số B/L / Số Container → Thay bằng [DOC_NUMBER]
6. Tên Tàu / Số Chuyến / Số Hiệu → Thay bằng [VESSEL_NAME]
7. ….

## CẤP 3 – HOÀN TOÀN TỰ DO (OPEN / PUBLIC)

**Quy tắc:** Dữ liệu công khai, được phép dùng tự do để tạo nội dung, tra cứu hoặc tối ưu hóa công việc.

- **Tài liệu Truyền thông:** Catalogues, Brochures, Tài liệu Xúc tiến Thương mại, Bài viết Website.
- **Pháp lý & Quy định Chung:** Văn bản Pháp luật, Nghị định, Thông tư Hải quan, Quy định Pháp lý XNK chung.
- **Tiêu chuẩn Kỹ thuật:** Biểu thuế Hải quan (HS Code Tariff), Incoterms 2020, Tiêu chuẩn Kỹ thuật công khai (TCVN, Codex, EU MRLs), Phiếu An toàn Hóa chất (MSDS).
- **Mẫu biểu:** Biểu mẫu văn bản, Mẫu email giao dịch thương mại tiêu chuẩn.

# DANH MỤC CHỨNG TỪ VÀ PHÂN LOẠI BẢO MẬT

| Tên chứng từ | Mục đích sử dụng | Cấp độ bảo mật | Hướng dẫn xử lý cụ thể trước khi dán vào AI |
|---|---|---|---|
| **Hợp đồng Ngoại thương (*Sales Contract / Commercial Contract*)** | Xác lập cam kết pháp lý, giá cả, điều kiện giao hàng (Incoterms), thanh toán và xử lý tranh chấp giữa bên bán và bên mua. | **Cấp 1** (Toàn văn) / **Cấp 2** (Dạng mẫu điều khoản) | Nếu cần AI rà soát điều khoản pháp lý, phải xóa toàn bộ: Tên công ty, Mã số thuế, Đại diện pháp luật, Đơn giá, Tổng giá trị, Tên cảng cụ thể và Thông tin ngân hàng. Thay bằng [BUYER], [SELLER], [PRICE], [PORT]. |
| **Thỏa thuận Bảo mật Thông tin (*Non-Disclosure Agreement - NDA*)** | Bảo vệ thông tin thương mại, khách hàng và công nghệ xử lý giữa các bên trong giai đoạn đàm phán. | **Cấp 1** | Không dán toàn văn NDA thực tế lên AI. Chỉ sử dụng AI để tạo khung NDA mẫu chung (Template) Cấp 3. |
| **Mã số Vùng trồng (*Planting Unit Code - PUC*)** | Chứng nhận vùng nguyên liệu đạt chuẩn kiểm dịch và an toàn thực phẩm theo yêu cầu nước nhập khẩu. | **Cấp 1** (Dữ liệu gốc) / **Cấp 2** (Xử lý mã) | Mã PUC gắn liền với quyền xuất khẩu của doanh nghiệp và hợp tác xã. Nếu lộ mã thực tế, đối thủ có thể gian lận mã số. Khi nhờ AI kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, phải che mã số thực dạng: PUC-VN-XXX-1234. |
| **Mã số Cơ sở Đóng gói (*Packing House Code - PHC*)** | Xác nhận nhà máy đóng gói đạt tiêu chuẩn vệ sinh, xử lý dịch hại theo quy định của thị trường đích. | **Cấp 1** (Dữ liệu gốc) / **Cấp 2** (Xử lý mã) | Thay thế mã số PHC thực tế và địa chỉ nhà máy bằng ký hiệu ẩn danh [PHC_CODE_ANONYMOUS] trước khi đưa nội dung quy trình đóng gói cho AI phân tích. |
| **Chứng nhận Chất lượng Quốc tế (*BRCGS, HACCP, ISO 22000, GlobalGAP Certificate*)** | Chứng minh hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của nhà máy đạt chuẩn quốc tế. | **Cấp 2** | Che tên doanh nghiệp, địa chỉ nhà sản xuất, số hiệu chứng chỉ (*Certificate No.*) và ngày cấp/hết hạn. Giữ lại phạm vi chứng nhận (*Scope of Certification*) để AI dịch hoặc viết mô tả năng lực. |
| **Bảng Thông số Kỹ thuật Sản phẩm (*Product Specification Sheet - Specs*)** | Chi tiết tiêu chuẩn cảm quan, lý-hóa, vi sinh, tỷ lệ cắt thái, độ Brix, độ ẩm cho hàng tươi, IQF và chế biến sâu. | **Cấp 2** | Xóa tên thương hiệu, mã nội bộ sản phẩm. Đổi tên sản phẩm thành dạng chung (ví dụ: "Frozen Mango Dice 10x10mm"). Giữ nguyên chỉ tiêu kỹ thuật để AI |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | dịch hoặc đối chiếu tiêu chuẩn nhập khẩu. |
| **Công thức & Quy trình Chế biến Sâu độc quyền (*Proprietary Recipe & Processing Methodology*)** | Yếu tố cốt lõi tạo nên hương vị, tỷ lệ phối trộn gia vị, phụ gia và thông số vận hành máy sấy/IQF đặc thù. | **Cấp 1** | **Cấm tuyệt đối.** Đây là tài sản trí tuệ tối mật của doanh nghiệp. Không được đưa bất kỳ tỷ lệ phần trăm công thức hay thông số kỹ thuật độc quyền nào lên AI. |
| **Hóa đơn Sơ bộ (*Proforma Invoice - PI*)** | Làm cơ sở cho người mua chuyển tiền đặt cọc (Deposit) hoặc mở L/C trả chậm. | **Cấp 2** | Mã hóa tên hai bên, số PI, ngân hàng thụ hưởng, giá tiền. Chỉ giữ lại mô tả quy cách hàng hóa và điều khoản giao hàng để AI kiểm tra tính nhất quán. |
| **Phiếu An toàn Hóa chất / Kỹ thuật (*MSDS / Technical Data Sheet - TDS*)** | Bắt buộc đối với các sản phẩm chế biến sâu có sử dụng phụ gia thực phẩm, chất bảo quản hoặc khí bảo quản. | **Cấp 3** (TDS chung) / **Cấp 2** (TDS đặc thù) | Các bản MSDS/TDS tiêu chuẩn của nhà sản xuất nguyên liệu là Cấp 3. Nếu TDS có chứa tỷ lệ phối trộn riêng của doanh nghiệp thì thuộc Cấp 2 và phải xóa định danh. |
| **Tên chứng từ & Thuật ngữ chuyên ngành** | **Mục đích sử dụng XNK** | **Cấp độ bảo mật** | **Hướng dẫn xử lý cụ thể trước khi dán vào AI** |
| **Giấy chứng nhận Kiểm dịch Thực vật (*Phytosanitary Certificate*)** | Chứng nhận lô hàng nông sản tươi/sấy khô đã được kiểm tra không chứa đối tượng kiểm dịch thực vật. | **Cấp 2** | Xóa số Phytosanitary, tên nhà xuất khẩu/nhập khẩu, tên tàu/số chuyến, mã cont, số lượng kiện thực tế. Chỉ giữ tên khoa học của cây trồng (*Botanical Name*) và phương pháp xử lý kiểm dịch để AI kiểm tra dịch thuật. |
| **Phiếu Phân tích Chất lượng / Thành phần (*Certificate of Analysis - CoA*)** | Thể hiện kết quả kiểm nghiệm phòng lab về chỉ tiêu hóa lý, vi sinh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng. | **Cấp 2** | Ẩn số mẫu (*Sample ID*), tên công ty gửi mẫu, tên nhà máy. Giữ nguyên các chỉ tiêu (MRLs, CFU/g, Heavy Metals) và kết quả đo để nhờ AI đối chiếu với quy định thị trường nhập khẩu (EU, US, Japan). |
| **Giấy chứng nhận Y tế / Lưu hành Tự do (*Health Certificate - HC / Free Sale - CFS*)** | Chứng minh sản phẩm chế biến sâu đạt điều kiện an toàn thực phẩm và được phép lưu hành tự do tại nước xuất khẩu. | **Cấp 2** | Mã hóa số chứng nhận, cơ quan cấp phép cụ thể, tên doanh nghiệp được cấp. Giữ nguyên danh mục sản phẩm và văn bản căn cứ pháp lý để AI dịch thuật. |
| **Tờ khai Hải quan Thông quan** | Tờ khai pháp lý ghi nhận thông tin hàng hóa, thuế suất, trị giá hải | **Cấp 1** | **Không dán trực tiếp Tờ khai Hải quan gốc.** Tờ khai chứa Mã số thuế, Chi cục Hải quan, Trị giá |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **(*Customs Declaration*)** | quan và phân luồng (Xanh/Vàng/Đỏ). | | tính thuế, Mã HTS nhạy cảm. Nếu cần AI phân tích mã HS, chỉ dán phần mô tả hàng hóa đã làm sạch. |
| **Giấy chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa (*Certificate of Origin - C/O: Form E, EUR.1, AK, CPTPP*)** | Chứng nhận xuất xứ nông sản Việt Nam để hưởng ưu đãi thuế quan theo các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA). | **Cấp 2** | Xóa số C/O, tên người xuất khẩu/nhập khẩu, số hóa đơn thương mại kèm theo, số hiệu vận đơn. Giữ lại tiêu chí xuất xứ (*Origin Criteria* như WO, CTH, RVC) để AI rà soát tính hợp lệ. |
| **Giấy chứng nhận Khử trùng (*Fumigation Certificate*)** | Xác nhận lô hàng (đặc biệt là nông sản sấy/kho) đã được khử trùng bằng Methyl Bromide hoặc Phosphine. | **Cấp 2** | Mã hóa tên công ty thực hiện, số hiệu chứng thư, thông tin phương tiện vận chuyển. |
| **Tờ khai Trị giá Hải quan (*Customs Value Declaration*)** | Vấn đề phân bổ chi phí vận tải, bảo hiểm vào trị giá tính thuế của lô hàng nông sản. | **Cấp 1** | Chứa thông tin tài chính chi tiết và cấu trúc giá trị hàng hóa. Cấm nạp vào các mô hình AI công cộng. |
| **Tên chứng từ & Thuật ngữ chuyên ngành** | **Mục đích sử dụng XNK** | **Cấp độ bảo mật** | **Hướng dẫn xử lý cụ thể trước khi dán vào AI** |
| **Vận đơn Đường biển / Hàng không (*Bill of Lading - B/L / Air Waybill - AWB*)** | Chứng từ vận tải xác nhận việc nhận hàng, chứng từ sở hữu hàng hóa (đối với B/L gốc) và hợp đồng vận chuyển. | **Cấp 1** (Dạng gốc) / **Cấp 2** (Dạng phân tích điều khoản) | Số B/L và mã Container cho phép tra cứu thời gian thực vị trí hàng hóa trên hệ thống hãng tàu. BẮT BUỘC xóa: Số B/L, Số Container, Số Seal, Tên tàu, Tên Cảng đi/đến, Tên người nhận hàng (*Consignee*). |
| **Hóa đơn Thương mại (*Commercial Invoice - CI*)** | Chứng từ yêu cầu thanh toán, thể hiện giá trị hàng hóa thực tế để tính thuế và thanh toán qua ngân hàng. | **Cấp 1** | Chứa chính xác đơn giá, tổng giá trị giao dịch và thông tin tài khoản ngân hàng. Cấm tải lên AI ở dạng thô. Nếu dùng AI tạo Mẫu hóa đơn, phải ẩn hoàn toàn số tiền và tên đối tác. |
| **Phiếu Đóng gói Chi tiết (*Packing List - PL*)** | Kê khai chi tiết quy cách đóng gói, số lượng kiện, trọng lượng gộp (*GW*), trọng lượng ròng (*NW*), thể tích (*CBM*). | **Cấp 2** | Mã hóa tiêu đề công ty, số PL, số tham chiếu hợp đồng. Dữ liệu về cách xếp Pallet, trọng lượng từng thùng có thể giữ lại để AI tính toán tối ưu không gian Container. |
| **Tín dụng thư (*Letter of Credit - L/C*)** | Cam kết thanh toán có điều kiện của ngân hàng người mua cho người | **Cấp 1** (Dữ liệu | Khi dùng AI kiểm tra tính bất hợp lệ (*Discrepancy*) của L/C, BẮT BUỘC xóa: Số L/C, Ngân hàng |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | bán khi xuất trình đủ bộ chứng từ hợp lệ. | giao dịch) / **Cấp 2** (Kiểm tra lỗi bất hợp lệ) | phát hành, Ngân hàng thông báo, Tên các bên, Số tiền, Ngày hết hạn. Chỉ giữ lại điều khoản chứng từ yêu cầu (*Documents Required*). |
| **Nhật ký Nhiệt độ Container Lạnh (*Reefer Temperature Log Data*)** | Dữ liệu ghi nhận liên tục nhiệt độ, độ ẩm, thông gió (Ventilation) trong suốt quá trình vận chuyển hàng tươi/IQF. | **Cấp 2** | Ẩn số container, số chuyến tàu. Dùng AI để phân tích sự cố biến động nhiệt độ (nếu có) nhằm lập hồ sơ khiếu nại bảo hiểm hoặc hãng tàu. |
| **Đơn / Giấy chứng nhận Bảo hiểm Hàng hóa (*Insurance Policy / Certificate*)** | Cam kết bồi thường của công ty bảo hiểm cho những rủi ro tổn thất hàng hóa trong quá trình vận tải biển/hàng không. | **Cấp 2** | Mã hóa số đơn bảo hiểm, tên người thụ hưởng, số tiền bảo hiểm (*Sum Insured*), tên phương tiện vận chuyển. Giữ lại các điều kiện bảo hiểm (Clause A, B, C) để AI phân tích phạm vi bồi thường. |
| **Xác nhận Đặt chỗ / Hướng dẫn Vận chuyển (*Booking Confirmation / Shipping Instruction - SI*)** | Thỏa thuận không gian trên tàu với hãng vận tải và hướng dẫn lập B/L. | **Cấp 2** | Xóa giá cước vận tải (*Ocean Freight Rate*), phụ phí (*Local Charges*), tên hãng tàu, số Booking. |
| **Tên chứng từ & Thuật ngữ chuyên ngành** | **Mục đích sử dụng XNK** | **Cấp độ bảo mật** | **Hướng dẫn xử lý cụ thể trước khi dán vào AI** |
| **Bảng Tính Giá thành Sản phẩm (*COGS Breakdown Sheet*)** | Bảng phân tích chi tiết chi phí nguyên liệu thô, hao hụt chế biến, chi phí điện/lạnh, nhân công, packaging và vận chuyển. | **Cấp 1** | **Tuyệt đối cấm.** Đây là bí mật kinh doanh nhạy cảm nhất. Lộ bảng giá thành đồng nghĩa với việc doanh nghiệp mất hoàn toàn thế chủ động khi đàm phán giá với đối tác quốc tế. |
| **Hợp đồng Thu mua Nông dân / HTX (*Farmer/Cooperative Procurement Contract*)** | Hợp đồng bao tiêu nguyên liệu tại vùng trồng, quy định giá sàn, giá trần, tiêu chuẩn hái và thưởng/phạt chất lượng. | **Cấp 1** | Cấm nạp bản gốc. Nếu cần AI soạn thảo mẫu hợp đồng bao tiêu, phải sử dụng bộ biến số giả định [PRICE], [FARMER_NAME], [LOCATION]. |
| **Báo cáo Tài chính & Kiểm toán Nội bộ (*Financial Statements & Internal Audits*)** | Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp XNK. | **Cấp 1** | Không được đưa dữ liệu tài chính thực tế lên AI. Nếu cần AI vẽ biểu đồ hoặc phân tích chỉ số tài chính, phải nhân toàn bộ số liệu với một hệ số ngẫu nhiên (*Scaling Factor*). |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Quy trình Vận hành Chuẩn Nhà máy (*Standard Operating Procedures - SOP*)** | Hướng dẫn các bước cấp đông IQF, quy trình sấy lạnh, kiểm soát vi sinh, vệ sinh công nghiệp (SSOP). | **Cấp 2** (SOP kỹ thuật) / **Cấp 3** (SOP chung) | Các SOP thao tác máy móc thông thường là Cấp 3. Các SOP chứa thông số nhiệt độ/thời gian sấy tối ưu cho từng loại trái cây đặc thù thuộc Cấp 2 (phải xóa thông số độc quyền trước khi AI biên tập). |
| **Báo cáo Khiếu nại & Khắc phục Chất lượng (*Customer Claim & CAPA Report*)** | Hồ sơ ghi nhận phản hồi của khách hàng về lô hàng lỗi (dập nát, xỉn màu, vi sinh) và hành động khắc phục. | **Cấp 2** | Xóa tên khách hàng, số lô hàng, giá trị đền bù. Giữ lại mô tả hiện tượng hư hỏng của nông sản để AI phân tích nguyên nhân gốc rễ (*Root Cause Analysis*). |
| **Báo cáo Nghiên cứu Thị trường Công khai (*Public Market Research & Trade Statistics*)** | Dữ liệu thống kê về sản lượng nhập khẩu, xu hướng tiêu dùng nông sản, quy định thuế quan chung của thị trường. | **Cấp 3** | Tự do sử dụng. Cán bộ nhân viên có thể tải lên toàn bộ các báo cáo của Bộ Công Thương, FAO, ITC Trademap để AI tóm tắt và phân tích xu hướng. |